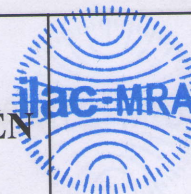




CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



Số: 40/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	180M ₁ 01/15	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	16/11/2015 9g45-10g00	Nguyễn Thị Cẩm Tú
2	181B09/15	Bể Chứa NMN Vũng Rô		Trần Quang Vinh	16/11/2015 9g30-9g45	
3	181M ₁ 09/15	Nhà Làm Việc - Cảng Vũng Rô			16/11/2015 9g45-10g00	
4	182M ₁ 01/15	131 Nguyễn Thái Học			16/11/2015 8g30-8g45	
5	182M ₂ 01/15	8/19 Nguyễn Huệ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	16/11/2015 9g00-9g15	Phạm thị Luyện
6	182M ₃ 01/15	Khu tái định cư Núi Nhạn			16/11/2015 9g30-9g45	
7	183B01/15	Bể Chứa NMN Tuy Hòa			16/11/2015 8g00-8g15	

II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				180M ₁ 01/15	181B09/15	181M ₁ 09/15	182M ₁ 01/15
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.05	7.02	6.94	6.89
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.78	0.94	1.05	0.79
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH	0.05	0.06	0.01
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.72	15.63	15.99	17.08
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	45.27	17.60	18.11	45.77
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	8.40	13.20	13.00	5.70
10	Mùi vị	không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	4.87	3.98	4.4	5.60
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.30	4.20	5.90	8.30
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	0.02	0.02	KPH
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.39	0.39	0.46
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.53	KPH	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				182M ₂ 01/15	182M ₃ 01/15	183B01/15	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.92	6.90	6.99	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.72	0.74	0.64	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.01	0.01	0.03	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.08	16.72	17.08	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	45.27	45.27	45.77	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	6.80	5.60	5.10	
10	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	7.52	5.75	4.42	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.30	6.70	8.40	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	0.01	KPH	
14	Chỉ số Permanganat	2	TCVN6886:1996	0.46	0.46	0.46	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.44	0.53	

Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 23 tháng 11 năm 2015

Bộ Phận Hóa Nghiệm

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật



Nguyễn Tấn Thuận

KS. Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân